

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tân Phú Đông, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/2/2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
nuôi con và chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Tân Dân

2. Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa:
Ông Võ Mỹ Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 và ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 03 năm 2022, về tranh chấp: “*Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Huỳnh G, sinh năm: 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T là Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 27, P, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh K, sinh năm: 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đỗ Thị Thu N là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Thu N, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 70D, khu phố 3, thị trấn V, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 24/02/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/4/2022 và ngày 04/7/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Võ Huỳnh G trình bày; tại phiên tòa Luật sư của chị G trình bày có cùng nội dung như sau:

Chị G và anh K tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới và

đăng ký kết hôn ngày 23/04/2012 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài đến năm 2020 thì trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm của chị G đối với anh K không còn nên chị G xin ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Võ Ngọc Á, sinh ngày 02/9/2011. Hiện chị G đang nuôi con. Ly hôn, chị G yêu cầu tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng, đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung gồm có:

Đối với đất: Thửa đất 1211, diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1.633 m² (diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.875 m²), thuộc tờ bản đồ TPC, loại đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00844, ngày 17/6/2013 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông cấp cho ông Nguyễn Minh K đứng tên; đất tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang. Chị G yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất thực tế là 816,5m² (1.633m² : 2). Chị G xin nhận đất tại vị trí cạnh hướng B và hướng Đ giáp ranh với đất ông Cao Văn T, hướng T giáp đường đàng (trên đất có 01 nhà mát).

Đối với công trình xây dựng trên đất:

- 01 nhà ở, loại nhà kiên cố diện tích 122,87m², xây trên thửa đất 1211. Theo kết quả định giá, nhà có giá trị là 367.749.910 đồng. Chị G yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ nhà, xin nhận giá trị là 138.874.955 đồng, giao nhà cho anh K sử dụng.

- 01 nhà mát, loại nhà kiên cố, diện tích 9,92m², xây trên thửa đất 1211. Theo kết quả định giá, nhà có giá là 37.562.616 đồng. Chị G yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ nhà mát, chị nhận nhà vào giao lại $\frac{1}{2}$ giá trị nhà cho anh K là 18.781.308 đồng.

- Hàng rào: Bao quanh thửa đất 1211 có hàng rào có kết cấu cột bê tông, tường xây + lưới B40, diện tích 423,93m². Theo kết quả định giá, hàng rào có giá trị là 162.534.762 đồng. Chị G yêu cầu nhận đoạn hàng rào có trên 816,5m² đất được chia.

- Cây trồng: Trên thửa đất 1211 có 03 cây dừa loại B1, thành tiền là 2.640.000 đồng (880.000 đồng/cây); 01 cây dừa loại D, có giá 500.000 đồng/cây; 48 cây dừa loại C thành tiền là 6.816.000 đồng (142.000 đồng/cây) và 03 cây xoài loại C, thành tiền là 693.000 đồng (231.000 đồng/cây). Tổng giá trị cây trồng là 10.649.000 đồng. Chị Giao yêu cầu nhận cây trồng trên 816,5m² phần đất được chia.

Đối với xe: Có 01 xe máy hiệu SH mode, biển số 63B8-57888. Anh K đứng tên giấy sở hữu xe. Chị Giao đang quản lý xe. Chị G và anh K thống nhất giá trị xe là 40.000.000 đồng. Chị G yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ xe, chị G nhận xe và trả lại anh K $\frac{1}{2}$ giá trị xe là 20.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 19/4/2022, biên bản hòa giải, anh Nguyễn Minh K trình bày; tại phiên tòa Luật sư của anh K trình bày có cùng nội dung như sau:*

Anh K và chị G tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến chung sống như vợ chồng từ năm 2010. Đến ngày 23/4/2012, mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G.

Về con chung: Anh K và chị Giao có 01 con chung tên Nguyễn Võ Ngọc Á, sinh ngày 02/9/2011, đang sống với chị G. Ly hôn, anh K đồng ý để chị G tiếp tục nuôi con. Anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng, đến khi con 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh K thống nhất có 01 xe máy hiệu honda SH mode, biển số 63B8-57888, giá trị còn lại là 40.000.000 đồng. Anh K đồng ý chia mỗi người $\frac{1}{2}$ xe, giao xe cho chị G sử dụng xe, anh K nhận $\frac{1}{2}$ giá trị là 20.000.000 đồng. Riêng số tài sản còn lại gồm: Thửa đất 1211, nhà ở, nhà mát, hàng rào và cây trồng (trên thửa 1211) là tài sản riêng của anh K nên không chia cho chị G. Theo anh K, thửa đất 1211 anh nhận chuyển nhượng của hộ bà V trước khi kết hôn với chị G. Ngay sau khi nhận chuyển nhượng đất, anh K xây hàng rào, xây nhà mát và trồng cây trên đất. Đến ngày 24/02/2022, anh K và chị G đã tự chia tài sản chung xong. Chị G đã nhận $\frac{1}{2}$ tài sản chung là 40.000.000 đồng. Chị G có ký tên trong giấy phân chia tài sản ngày 24/02/2022. Nhà ở khởi công xây ngày 09 tháng 02 năm 2022 (al), nhằm ngày 11 tháng 3 năm 2022 nên xây sau khi vợ chồng sống ly thân và chia tài sản chung. Do đó, nhà không phải là tài sản chung nên không chia cho chị G.

Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Huỳnh G và anh Nguyễn Minh K.

Về con chung: Giao Nguyễn Võ Ngọc Á cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng, đến khi cháu Á 18 tuổi.

Về tài sản chung:

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị G và anh K: Chia cho chị G và anh K mỗi người $\frac{1}{2}$ xe máy SH mode, biển số 63B8-57888. Giao xe cho chị G sử dụng. Chị G có trách nhiệm giao lại cho anh K $\frac{1}{2}$ giá trị xe là 20.000.000 đồng; anh K có trách nhiệm giao giấy tờ xe cho chị G khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chia cho chị G và anh K mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích thực tế của thửa đất 1211 là 816,5m², tại vị trí chị G yêu cầu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00844, ngày 17/6/2013, do ông Nguyễn Minh K đứng tên. Đất tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

- Chia cho chị G và anh K đoạn hàng rào và cây trồng trên phần đất anh K và chị G được chia thuộc thửa 1211.

- Chia cho chị G và anh K mỗi người $\frac{1}{2}$ nhà mát. G nhà mát cho chị G sử dụng. Chị G trả cho anh K $\frac{1}{2}$ giá trị nhà mát là 18.781.308 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu chia nhà của chị G.

Nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị G và anh K phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật

Chị Võ Huỳnh G xin ly hôn với anh Nguyễn Minh K. Chị G yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Tân Phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ kiện

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010. Đến ngày 23/4/2012, mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (thời điểm anh K và chị G bắt đầu sống chung, chị G chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn). Tại phiên tòa, chị G và anh K trình bày thống nhất, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được và sống ly thân từ năm 2020. Nay anh chị không còn tình cảm với nhau và thống nhất ly hôn. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên ghi nhận.

Về con chung: Anh chị có 01 con tên Nguyễn Võ Ngọc Á, sinh ngày 02/9/2011. Hiện nay, cháu Á đang sống với chị G. Tại phiên tòa, chị G và anh K thống nhất giao cháu Á cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Á là muốn sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, ghi nhận thỏa thuận của chị G và anh K, giao cho chị G nuôi cháu Á; anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng.

Về tài sản chung:

Đối với xe: Ghi nhận sự tự nguyện của chị G và anh K về việc chia mỗi người ½ xe máy hiệu honda SH mode, biển số 63B8-57888. Giao xe cho chị G sử dụng. Chị G có nghĩa vụ trả lại cho anh K ½ giá trị xe là 20.000.000 đồng.

Đối với thửa đất 1211: Chị G yêu cầu chia ½ thửa đất, chị xin nhận đất tại vị trí cạnh hướng Nam và Bắc giáp đất ông Cao Văn T. Anh K không đồng ý chia đất cho chị G vì cho rằng thửa đất 1211, anh nhận chuyển nhượng của hộ bà V từ năm 2009, trước khi anh kết hôn với chị G. Anh K có cung cấp người làm chứng gồm: Bà Cao Thị V, ông Trần Văn H, anh Trần Văn H. Người làm chứng trình bày có ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng đất cho anh K. Riêng ông Trần Văn H, anh Trần Văn H cho rằng khi ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng đất, có biết bà V chuyển nhượng đất cho anh K trước năm 2013 nhưng không nhớ cụ thể thời gian và số tiền chuyển nhượng. Ông Nguyễn Văn Á (là trưởng ấp), Cao Văn T, Nguyễn Minh L (người sử dụng đất giáp ranh), có biết bà V chuyển nhượng đất cho anh K trước khi anh K cưới vợ nhưng thời gian cụ thể không nhớ. Xét thấy, ngoài lời khai của những người làm chứng, anh K không có chứng cứ gì khác để chứng minh thửa đất 1211 là tài sản riêng. Do đó, lời khai của những người làm chứng chỉ mang tính tham khảo. Mặt khác, Tại phiên tòa, chị G và anh K trình bày, anh chị đã chung sống như vợ chồng từ năm 2010. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 -2012, anh K và chị G kết hôn ngày 23/4/2012. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ bà V và anh K thì ngày ký hợp đồng chuyển nhượng là 17/4/2013. Đến ngày 17/6/2013, Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất

1211 cho anh K đứng tên. Do đó, có cơ sở xác định, chị G và anh K tạo dựng được thửa đất 1211 trong thời kỳ hôn nhân. Do anh K không chứng minh được thửa đất 1211 là tài sản riêng của anh K nên có cơ sở xác định thửa đất 1211 là tài sản chung của anh K và chị G. Do đó, chấp nhận yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất cho chị G. Lấy diện tích thực tế thửa 1211 là 1.633m^2 để phân chia. Chị G yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ diện tích là $816,5\text{m}^2$ tại vị trí cạnh hướng Tây giáp đường đản và hướng Đông, hướng Bắc giáp đất ông Cao Văn T. Xét thấy, phần đất chị G xin nhận, không trùng với vị trí có nhà ở của anh K, nên được chấp nhận.

Đối với hàng rào và cây trồng trên đất: Chị G và anh K xác định hàng rào và cây trồng được xây, được trồng sau khi nhận chuyển nhượng đất. Anh K không có chứng cứ chứng minh là tài sản riêng của anh K nên xác định là tài sản chung của vợ chồng. Tại buổi hòa giải và tại phiên tòa, chị G và anh K thống nhất, nếu phải chia đất, cây trồng và hàng rào có trên phần đất chia cho chị G và anh K thì chị G và anh K được nhận và sử dụng.

Đối với nhà mát: Chị G và anh K xác định được xây sau khi mua đất. Anh K không có chứng cứ chứng minh là tài sản riêng của anh K nên xác định là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, chia cho chị G và anh K mỗi người $\frac{1}{2}$ nhà mát. Theo kết quả định giá, nhà mát có giá trị còn lại 37.562.616 đồng. Trên phần đất chia cho chị G có nhà mát nên chị G nhận nhà mát sẽ thuận tiện khi sử dụng. Chị G có nghĩa vụ trả lại cho anh K $\frac{1}{2}$ giá trị nhà mát là 18.781.308 đồng.

Đối với nhà ở: Tại phiên tòa, chị G và anh K trình bày thống nhất nhà khởi công xây ngày 09 tháng 02 năm 2022 (al) nên nhằm ngày 11 tháng 3 năm 2022. Xét thấy: Chị G cho rằng chi phí xây nhà gồm có 100.000.000 đồng, là tiền chị H (chị anh K) cho chung vợ chồng khi xây nhà, số còn lại là tiền tiết kiệm của vợ chồng. Tại phiên tòa, chị G cung cấp giấy xác nhận ngày 26/8/2022 của chị Triệu Thị M Lệ là chủ cửa hàng VLXD A. Giấy xác nhận có nội dung chị L có bán vật liệu xây dựng cho anh K và chị G nhưng không ghi rõ thời gian bán, số tiền chị G, anh K đã mua, cũng không có hóa đơn kèm theo để chứng minh cho lời trình bày của chị L là có thật. Chị G không có chứng cứ gì khác để chứng minh có bỏ chi phí xây nhà với anh K sau ngày chị G và anh K thỏa thuận chia tiền chung của vợ chồng (ngày 24/02/2022). Anh K thì cho rằng, ngày 24/02/2022, vợ chồng đã tự phân chia tài sản chung mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ là 40.000.000 đồng. Chị G đã nhận tiền xong và ký tên vào giấy “xác nhận...” ngày 24/02/2022. Tại phiên tòa, chị G thừa nhận có ký tên vào giấy “xác nhận...” ngày 24/02/2022, nhưng chưa nhận 40.000.000 đồng như nội dung giấy “xác nhận...” ngày 24/02/2022 đã ghi. Xét thấy, chị G chỉ trình bày chưa nhận 40.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, có cơ sở xác định ngày 24/02/2022, anh K và chị G đã phân chia xong tiền chung của vợ chồng. Ngoài ra, theo lời khai người làm chứng là ông Trần Văn T (chủ vật liệu xây dựng T), trình bày: Ông T có bán vật liệu xây dựng cho anh K vào đầu năm 2022. Chị G không đến mua cũng không trả tiền mua vật liệu xây dựng. Theo lời khai của chị Nguyễn Thị Ngọc H, chị có cho anh K 100.000.000 đồng khi anh K xây nhà. Thời điểm này, chị G không còn chung sống với anh K nên chị cho tiền riêng anh K. Từ những cơ sở nêu trên, không có cơ sở xác định nhà ở là tài sản chung của chị G và anh K nên không chấp nhận yêu cầu chia nhà ở của chị G.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về ý kiến, đề nghị của Luật sư:

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Như phân tích trên, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở một phần nên chỉ chấp nhận một phần đề nghị của Luật sư về việc chia thừa đất 1211, chia nhà mát, chia cây trồng và chia hàng rào; không chấp nhận yêu cầu chia nhà ở.

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Như đã trình bày phần trên, Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần đề nghị của Luật sư về việc không chia nhà ở cho chị G.

[4] Về ý kiến, đề nghị của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm và đề nghị có nội dung phù hợp quan điểm Hội đồng xét xử, cũng phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí:

- Chị G nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.
- Anh K phải nộp án phí đối với việc cấp dưỡng nuôi con.
- Chị G và anh K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được chia.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 khoản 4 Điều 264 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Huỳnh G.
- Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Huỳnh G và anh Nguyễn Minh K.

2/ Về con chung:

- Giao Nguyễn Võ Ngọc A, sinh ngày 02/9/2011 cho chị Võ Huỳnh G tiếp tục nuôi dưỡng.
- Anh Nguyễn Minh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Nguyễn Võ Ngọc A mỗi tháng 800.000 (tám trăm nghìn) đồng, đến khi cháu A 18 tuổi.
- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung:

Về xe: Chia cho chị G và anh K mỗi người $\frac{1}{2}$ xe SH mode, biển số 63B8-57888, giao xe cho chị G sử dụng (chị Giao đang quản lý xe). Chị G có nghĩa vụ trả cho anh K $\frac{1}{2}$ giá trị xe là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Anh K có nghĩa vụ trả giấy chứng nhận đăng ký xe (anh K đang quản lý) cho chị G, cùng lúc khi án có hiệu lực pháp luật.

Về đất: Chia cho chị G và anh K mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích thực tế của thửa đất 1211, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00844, ngày 17/6/2013, do ông Nguyễn Minh K đứng tên. Đất tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

- Chia cho chị G 816,5m² đất có kích thước, vị trí như sau: Cạnh hướng Bắc giáp đất ông Cao Văn T 35,3m + 2,56m + 2,5m + 10,3m; cạnh hướng Đông giáp đất ông Cao Văn T 14,49m; cạnh hướng Nam giáp phần còn lại thửa 1211 (chia cho anh K) 22,39m + 4,55m + 26,54m; cạnh hướng Tây giáp đường đản 16,9m.

- Chia cho anh K 816,5m² đất có kích thước, vị trí như sau: Cạnh hướng Bắc giáp phần còn lại thửa 1211 (chia cho chị G) 22,39m + 4,55m + 26,54m; cạnh hướng Đông giáp đất ông Cao Văn T 2,91m + 2,5m + 12m; cạnh hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Minh L 51,2m; cạnh hướng Tây giáp đường đản 16,9m.

(Có phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo).

Về hàng rào và cây trồng trên đất: Chia cho chị G và anh K đoạn hàng rào và cây trồng trên phần đất chia cho chị G và anh K.

Về nhà mát: Chia cho chị G và anh K mỗi người $\frac{1}{2}$ nhà mát. Giao cho chị G sử dụng nhà mát. Chị G có nghĩa vụ trả lại cho anh K $\frac{1}{2}$ giá trị nhà mát là 18.781.308 đồng.

Về nhà ở: Không chấp nhận yêu cầu chia nhà cho chị G.

Chị Võ Huỳnh G và anh Nguyễn Minh K có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền, làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia, theo quy định của pháp luật, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn giao tiền, nếu chị Võ Huỳnh G không thực hiện việc giao tiền cho anh Nguyễn Minh K theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí:

- Chị Võ Huỳnh G phải nộp 300.000 đồng, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 10.759.409 đồng, án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng chị G phải nộp 11.059.409 đồng tiền án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.627.000 đồng, theo các biên lai số 0008146, ngày 01/3/2022, biên lai số 0008182, ngày 06/4/2022 và biên lai số 0008255, ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, chị G còn phải nộp tiếp 6.432.409 (sáu triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm lẻ chín) đồng, tiền án phí sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Minh K phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 10.759.409 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng anh K phải nộp 11.059.409 (*mười một triệu không trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm lẻ chín*) đồng, tiền án phí sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích cho đương sự, có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND H.Tân Phú Đông;
- Chi cục THA DS H.Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI